

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
6.2.4	Từ ngã ba giáp đường Tập đoàn than đi Giếng Vọng tiếp giáp phường Quang Hanh	ngã ba đường Tập đoàn than đi Giếng Vọng	tiếp giáp phường Quang Hanh	700				420				280			
6.3	Những hộ dân thuộc thôn Thả Cát cũ (nay là khu Thác Bạc)														
6.3.1	Những hộ bám hai bên đường liên khu			900				540				360			
6.3.2	Những hộ bám trục đường lớn hơn hoặc bằng 3m			700				420				280			
6.3.3	Những hộ bám trục đường từ 2m đến 3m			500				300				200			
6.3.4	Những hộ còn lại			400				240				160			
6.4	Những hộ bám 2 bên đường liên khu Khe Sim														
6.4.1	Đoạn từ giáp thôn Đá Bạc cũ (nay là khu Thác Bạc) đến giáp thửa 42/TBĐ 99 cũ	thôn Đá Bạc cũ (nay là khu Thác Bạc)	giáp thửa 42/TBĐ 99 cũ	900				540				360			
6.4.2	Đoạn từ thửa 42/TBĐ 99 cũ đến tiếp giáp phường Quang Hanh	thửa số 42/ TBĐ 99	tiếp giáp phường Quang Hanh	1.200				720				480			
6.4.3	Đoạn từ trạm trung tâm Công ty than Quang Hanh đến mặt bằng +38	trạm trung tâm Công ty than Quang Hanh	mặt bằng +38	1.200				720				480			
6.4.4	Những hộ dân đoạn từ ngã ba cầu Viên Phi đến ngã ba hộ bà Trọng	từ ngã ba cầu Viên Phi	ngã ba hộ bà Trọng	1.100				660				440			
6.4.5	Những hộ bám hai bên đường tiểu mạng vào khu	đầu đường	cuối đường	900				540				360			
6.4.6	Những hộ nằm bên trong khu dân cư (không giáp đồi, núi)			700				420				280			
6.4.7	Những hộ còn lại giáp đồi núi			400				240				160			
7	Các hộ bám đường bê tông lớn hơn hoặc bằng 3m còn lại trên địa bàn phường			1.800				1.080				720			
8	Các hộ bám đường bê tông từ 2m đến nhỏ hơn 3m			1.500				900				600			
9	Các hộ còn lại trên địa bàn toàn phường			1.300				780				540			
46	PHƯỜNG QUANG HANH														
1	Đường 18A														
1.1	Từ cửa hàng xăng dầu Đèo Bụt đến tiếp giáp cửa hàng ga Xuân Nghiêm	cửa hàng xăng dầu Đèo Bụt	tiếp giáp cửa hàng ga Xuân Nghiêm	11.700				7.200				5.400			
1.2	Từ cửa hàng ga Xuân Nghiêm đến tiếp giáp đường vào Xí nghiệp May mặc	cửa hàng ga Xuân Nghiêm	đường vào Xí nghiệp May mặc	15.600				10.400				7.800			
1.3	Từ đường vào Xí nghiệp may mặc đến nhà máy X48	đường vào Xí nghiệp May mặc	nhà máy X48	16.900				10.400				7.800			
1.4	Từ nhà máy X48 đến đường bê tông ngõ 162 (thửa 97 và thửa 36 tờ 116)	nhà máy X48	đường bê tông ngõ 162 (thửa 97 và thửa 36 tờ 116)	19.000				11.400				7.600			
1.5	Từ đường bê tông ngõ 162 (từ thửa 29 tờ 116 đến thửa 214 tờ 117)	đường bê tông ngõ 162 (từ thửa 29 tờ 116)	thửa 214 tờ 117	21.000				12.600				8.400			
1.6	Từ suối liên khu 4A, 4B (thửa 37 và thửa 89 tờ 48) đến nút giao vườn hoa chéo (thửa 243 và thửa 113a tờ 31)	Từ suối liên khu 4A, 4B (thửa 37 và thửa 89 tờ 48)	nút giao vườn hoa chéo (thửa 243 và thửa 113a tờ 31)	19.200				11.520				7.680			
2	Đường Trần Phú														
2.1	Đường Trần Phú: Từ nút giao vườn hoa chéo đến đường vào Công ty Thiết bị điện	nút giao vườn hoa chéo	đường vào Công ty Thiết bị điện	23.500				14.100				9.400			
2.2	Đường Trần Phú: Từ đường vào công ty Thiết bị điện đến giáp thửa 42, TBĐ 261	đường vào công ty Thiết bị điện	giáp thửa 42, TBĐ 261	28.800				17.280				11.520			
2.3	Đường Trần Phú: Từ thửa số 42, TBĐ 261 đến tiếp giáp cổng chào khu phố Đập Nước 1 (thửa 188 tờ 262)	thửa số 42, TBĐ 261	tiếp giáp cổng chào khu phố Đập Nước 1 (thửa 188 tờ 262)	35.200				21.120				14.080			
2.4	Đường Trần Phú: Từ hộ phía tây cổng chào khu phố Đập Nước 1 (thửa 188 tờ 262) đến hết địa phận phường Quang Hanh	hộ phía tây cổng chào khu phố Đập Nước 1 (thửa 188 tờ 262)	hết địa phận phường Quang Hanh (giáp phường Cẩm Phá)	44.800				26.880				17.920			
3	Đường Lê Thanh Nghị														

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
3.1	Đường Lê Thanh Nghị từ Công ty than Đường Huy đến tiếp giáp thửa số 150, TBD 266	Công ty than Đường Huy	tiếp giáp thửa số 159, TBD 266	16.200				9.720				6.480			
3.2	Đường Lê Thanh Nghị (Từ thửa số 150, TBD 266 đến ngõ 363 Lê Thanh Nghị)	thửa số 150, TBD 266	ngõ 363 Lê Thanh Nghị	22.100				13.260				8.840			
4	Đoạn đường bê tông từ sau hộ mật đường 18 đến hết nhà ông Tinh tổ 9 (đường cầu vượt)	từ sau hộ mật đường 18	hết nhà ông Tinh tổ 9 (đường cầu vượt)												
4.1	Từ sau hộ mật đường 18 đến hết nhà ông Quỳnh, bà Lý (thửa 36 và thửa 26, TBD 45)	sau hộ mật đường 18	hết nhà ông Quỳnh, bà Lý (thửa 36 và thửa 26, TBD 45)	7.500				4.500				3.000			
4.2	Đường bê tông ra cảng km6 cũ từ sau hộ mật đường 18 đến tiếp giáp đường bao biển	sau hộ mật đường 18	tiếp giáp đường bao biển	6.200				3.720				2.480			
4.3	Từ tiếp giáp nhà ông Quỳnh, bà Lý đến hết nhà Diễm Thơm (thửa 32 + 33 tờ 33)	tiếp giáp nhà ông Quỳnh, bà Lý	hết nhà Diễm Thơm (thửa 32 + 33 tờ 33)	6.200				3.720				2.480			
5	Các hộ bám mật đường bê tông từ sau hộ mật đường 18A đến tiếp giáp bãi tập xe trường Cao đẳng nghề mô Hồng Cẩm (khu 1A)	sau hộ mật đường 18A	tiếp giáp bãi tập xe trường Cao đẳng nghề mô Hồng Cẩm (khu 1A)	7.100				4.260				2.840			
6	Các hộ bám mật đường bê tông từ sau hộ mật đường 18A (từ thửa 205, 206 tờ 43) đến hết thửa 26, 27 tờ 43) Công chào khu 1B	sau hộ mật đường 18A (từ thửa 205, 206 tờ 43)	hết thửa 26, 27 tờ 43) Công chào khu 1B	5.000				3.000				2.000			
7	Các hộ bám mật đường bê tông từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 7D tờ 54 và hết thửa 17, thửa 28 tờ 54	sau hộ mật đường 18A	thửa 7D tờ 54 và hết thửa 17, thửa 28 tờ 54	5.000				3.000				2.000			
8	Các hộ bám mật đường bê tông liên khu 1B, 2 từ sau hộ mật đường 18A đến thửa 36 tờ 32	sau hộ mật đường 18A	thửa 36 tờ 32	5.000				3.000				2.000			
9	Các hộ bám mật đường bê tông vào nhà văn hóa tổ 4, 5 khu II từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 117 tờ 31 và thửa 66 tờ 32	sau hộ mật đường 18A	thửa 117 tờ 31 và thửa 66 tờ 32	5.000				3.000				2.000			
10	Các hộ bám mật đường bê tông từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 50, tờ bản đồ 43	sau hộ mật đường 18A	thửa 50, tờ bản đồ 43	4.500				2.700				1.800			
11	Các hộ bám mật đường bê tông liên khu 2, 3A (phía bắc) từ sau hộ mật đường 18A đến hết nhà ông Huyền (thửa số 101, TBD 31)	sau hộ mật đường 18A	hết nhà ông Huyền (thửa số 101, TBD 31)	8.000				4.800				3.200			
12	Các hộ bám mật đường bê tông liên khu 2, 3A từ sau hộ mật đường 18A đến hết nhà ông Lâm (phía Nam)	sau hộ mật đường 18A	hết nhà ông Lâm (phía Nam)	7.100				4.260				2.840			
13	Các hộ bám mật đường bê tông khu 3A từ sau hộ mật đường 18A đến hết đường vào trường tiểu học cũ (thửa 432, 433 TBD 52)	sau hộ mật đường 18A	trường tiểu học cũ (thửa 432, 433 TBD 52)	7.100				4.260				2.840			
14	Các hộ thuộc dự án nhóm nhà ở khu 3, 4A (Dự án của Tập đoàn Quảng Ninh) và trường Lê Quý Đôn	Trộn khu		9.000				5.400				3.600			
15	Các hộ bám mật đường bê tông cạnh Chung cư Công ty than Hạ Long từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 25, TBD 40	sau hộ mật đường 18A	hết thửa 25, TBD 40	4.500				2.700				1.800			
16	Các hộ bám mật đường bê tông vào tổ 2 khu 4 từ sau hộ mật đường 18A đến nhà ông Trầu (thửa 169 TBD 49); các hộ bám đường dự án khu đô thị KM 8 từ tiếp giáp nhà ông Trầu đến nhà ông Thúc bà Quyết (từ thửa 169a TBD 49 đến thửa 192 TBD 62)	sau hộ mật đường 18A	nhà ông Trầu (thửa 169 TBD 49)	5.000				3.000				2.000			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
17	Các hộ bám đường vào trại chăn nuôi cũ từ sau hộ mặt đường 18A đến thửa 17 TBD74 (trừ các hộ bắc cầu qua suối)	sau hộ mặt đường 18A	thửa 17 TBD74 (trừ các hộ bắc cầu qua suối)	6.200				3.720				2.480			
18	Các hộ thuộc đường vào trại chăn nuôi phải bắc cầu qua suối)	đầu đường	cuối đường	4.500				2.700				1.800			
19	Các hộ bám mặt đường bê tông vào tổ 5 khu 4A từ sau hộ mặt đường 18A đến ngã 3 hết thửa 15, TBD48	sau hộ mặt đường 18A	ngã 3 hết thửa 15, TBD48	4.500				2.700				1.800			
20	Các hộ bám đường bê tông vào tổ 2, tổ 3 khu 4B từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Lâm (thửa 33 - TBD 47)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Lâm (thửa 33 - TBD 47)	4.800				2.880				1.920			
21	Các hộ bám mặt đường bê tông cạnh nước khoáng Tỉnh ủy từ sau hộ mặt đường 18A đến hết thửa 219, thửa 152, TBD 60	sau hộ mặt đường 18A	hết thửa 219, thửa 152, TBD 60	4.500				2.700				1.800			
22	Các hộ bám mặt đường bê tông cạnh kho gạo từ sau hộ mặt đường 18A đến hết thửa 6, TBD 72	sau hộ mặt đường 18A	hết thửa 6, TBD 72	4.500				2.700				1.800			
23	Các hộ bám mặt đường bê tông vào tổ 6, tổ 10 khu 5 (đường bê tông cạnh trạm y tế) từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Lâm Nhựt (thửa 58 TBD 82)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Lâm Nhựt (thửa 58 TBD 82)	5.900				3.540				2.360			
24	Các hộ bám mặt đường vào nhà văn hóa khu 5 thuộc tổ 5 khu 5: từ sau hộ mặt đường 18A đến thửa 66 TBD 81	sau hộ mặt đường 18A	thửa 66 TBD 81	4.000				2.400				1.600			
25	Các hộ bám mặt đường bê tông liên khu 5 + 6 từ sau hộ mặt đường 18A đến hết thửa 41a, 33c TBD 93	sau hộ mặt đường 18A	thửa 41a, 33c TBD 93	4.000				2.400				1.600			
26	Các hộ bám mặt đường bê tông vào tổ 3, tổ 4 khu 6 từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Rý (thửa số 145, TBD 92)	sau hộ mặt đường 18A	nhà ông Rý (thửa số 145, TBD 92)	4.000				2.400				1.600			
27	Các hộ bám mặt đường vào ngã hai từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà bà Đạt (thửa số 6A, TBD 57)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà bà Đạt (thửa số 6A, TBD 57)	4.000				2.400				1.600			
28	Các hộ bám mặt đường bê tông vào tổ 7, khu 5 từ tiếp giáp nhà bà Mai (thửa số 8, TBD 70) đến hết nhà bà Vân (thửa số 46, TBD 70)	tiếp giáp nhà bà Mai (thửa số 8, TBD 70)	hết nhà bà Vân (thửa số 46, TBD 70)	2.900				1.740				1.160			
29	Các hộ bám đường bê tông vào nhà Văn hóa khu 6														
29.1	Từ sau hộ mặt đường 18 đến hết thửa 81A, TBD 91	sau hộ mặt đường 18	thửa 81A, TBD 91	4.000				2.400				1.600			
29.2	Từ tiếp giáp thửa 81A đến hết thửa 14, TBD 106	tiếp giáp thửa 81A, TBD 106	thửa 14, TBD 106	7.000				4.200				2.800			
30	Các hộ bám mặt đường bê tông vào tổ 1, 2 khu 7A từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Lý (thửa 19, TBD 90)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Lý (thửa 19, TBD 90)	4.800				2.880				1.920			
31	Các hộ bám mặt đường vành đai Phía bắc thành phố Hạ Long (đoạn Vũ Oai - Quang Hanh) từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Vinh	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Vinh	5.900				3.600				2.700			
32	Các hộ bám mặt đường vào Tiểu đoàn 185	đầu đường	cuối đường												
32.1	Từ sau hộ mặt đường 18A đến hết Xi nghiệp Khe Sim (thửa 72 và thửa 119 tờ 103)	sau hộ mặt đường 18A	Xi nghiệp Khe Sim (thửa 72 và thửa 119 tờ 103)	9.000				5.400				3.600			
32.2	Từ tiếp giáp XN Khe Sim đến suối cạnh nhà ông Căn (thửa 63 và thửa 50, TBD 103 đến suối)	tiếp giáp XN Khe Sim	nhà ông Căn	6.600				3.960				2.700			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
33	Từ tiếp giáp nhà ông Cấn đến Tiểu đoàn 185	tiếp giáp nhà ông Cấn (thửa 50 - 16 TBD 102)	Tiểu đoàn 185	4.800				2.880				1.920			
34	Các hộ bám mặt đường bê tông ngõ 162 vào tổ 2 khu 7B từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Tung (thửa 78 TBD 103)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà bà Tung (thửa 78 TBD 103)	6.600				3.960				2.640			
35	Các hộ bám mặt đường bê tông giáp suối dự án khu tái định cư tổ 5 khu 7B (từ thửa 101 TBD 117 đến hết nhà ông Minh (thửa 33, TBD 118)	thửa 101 TBD 117	hết nhà ông Minh (thửa 33, TBD 118)	6.600				3.960				2.700			
36	Các hộ dân cư cũ bám đường dự án khu khu tái định cư tổ 5 khu 7B (từ thửa 102 TBD 117 đến thửa 86 TBD 130)	thửa 102 TBD 117	thửa 86 TBD 130	7.500				4.500				3.000			
37	Các hộ bám mặt đường bê tông vào BV bảo vệ sức khỏe tâm thần từ sau hộ mặt đường 18A đến tiếp giáp công bệnh viện	sau hộ mặt đường 18A	tiếp giáp công bệnh viện	4.800				2.880				1.920			
38	Các hộ bám mặt đường bê tông vào tổ 2, 3 khu 8A từ sau hộ mặt đường 18A đến hết chung cư trường Hồng Cẩm	sau hộ mặt đường 18A	hết chung cư trường Hồng Cẩm	4.800				2.880				1.920			
39	Các hộ bám đường bê tông ngõ 336 từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà bà Kim Nhung (thửa 12 TBD 128)	sau hộ mặt đường 18A	nhà bà Kim Nhung (thửa 12 TBD 128)	5.500				3.300				2.200			
40	Các hộ bám mặt đường bê tông ngõ 429 từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà bà Nhâm (thửa 47 TBD 114)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Tuấn (Mạnh)	4.800				2.880				1.920			
41	Các hộ bám mặt đường bê tông vào kho 706 từ sau hộ mặt đường 18A đến cổng kho 706	sau hộ mặt đường 18A	cổng kho 706	5.500				3.300				2.200			
42	Các hộ bám mặt đường bê tông vào viện điều dưỡng từ sau hộ mặt đường 18A đến tiếp giáp viện điều dưỡng	sau hộ mặt đường 18A	tiếp giáp viện điều dưỡng	5.500				3.300				2.200			
43	Các hộ bám mặt đường bê tông vào tổ 3, 4 khu 9A từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Cảnh (thửa 4 TBD 150)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Cảnh	3.800				2.280				1.520			
44	Các hộ bám mặt đường bê tông liên khu 9A, 9B vào tổ 1 khu 9A, tổ 4 khu 9B từ sau hộ mặt đường 18A đến tiếp giáp đường vào khoáng nóng Osen	sau hộ mặt đường 18A	tiếp giáp đường vào khoáng nóng Osen	5.500				3.300				2.200			
45	Các hộ bám đường bê tông vào tổ 2 khu 9B (cạnh nhà văn hóa khu 9B) từ sau hộ mặt đường 18A đến Suối	sau hộ mặt đường 18A	suối	6.600				3.960				2.700			
46	Các hộ bám mặt đường bê tông vào cảng Vũng bầu từ sau hộ mặt đường 18A đến hết cầu suối khoáng nóng	sau hộ mặt đường 18A	cầu suối khoáng nóng												
46.1	Các hộ từ sau hộ mặt đường 18A đến đường vào sửa chữa đóng tàu X 48 Hải quân	sau hộ mặt đường 18A	đường vào sửa chữa đóng tàu X 48 Hải quân	12.000				7.200				4.800			
46.2	Từ tiếp giáp đường vào xưởng sửa chữa đóng tàu X48 Hải quân đến hết cầu Suối Khoáng nóng	tiếp giáp đường vào xưởng sửa chữa đóng tàu X48 Hải quân	cầu Suối Khoáng nóng	9.800				5.880				3.920			
46.3	Từ cầu Suối Khoáng nóng đến đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả	cầu Suối Khoáng nóng	đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả	12.000				7.200				4.800			
47	Đường vào trạm trộn ngô 610 từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Toàn (thửa 89 TBD 148)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Toàn (thửa 89 TBD 148)	4.800				2.880				1.920			
48	Các hộ bám mặt đường bê tông ngõ 682 vào Xí nghiệp may mặc từ sau hộ mặt đường 18A đến cổng kho 84	sau hộ mặt đường 18A	cổng kho 84	4.500				2.700				1.800			
49	Các hộ dân thuộc khu 5 nằm trong khu vực giáp thôn Khe Sim, xã Dương Huy	Trộn khu		900				540				360			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
50	Thuộc Dự án khu tái định cư tại tổ 4,5 khu 7B	Trộn khu		15.900				9.540				6.360			
51	Thuộc Dự án Khu tái định cư tổ 9 khu 5 phường Quang Hanh	Trộn khu		10.900				6.540				4.360			
52	Các hộ nằm trong khu vực dự án quy hoạch Công ty than Dương Huy (khu mặt bằng bãi than cũ khu vực 86) tại tổ 6 khu 1A	Trộn khu		6.000				3.600				2.400			
53	Đất thuộc dự án khu đô thị tại khu 6 (Công ty TNHH Thu Hà)	Trộn khu		16.000				9.600				6.400			
54	Đất thuộc dự án khu đô thị Hương Phong (trừ các hộ bám mặt đường 18A)	Trộn khu		7.500				4.500				3.000			
55	Khu dân cư tự xây của Sư Đoàn 363 (trừ những hộ bám mặt đường 18A)	Trộn khu													
55.1	Những hộ bám đường vào sân bóng đá Than Quảng Ninh	đầu đường	cuối đường	7.500				4.500				3.000			
55.2	Những hộ còn lại			4.800				2.880				1.920			
56	Đất thuộc dự án nhóm nhà ở tổ 2, khu 7A	Trộn khu		7.500				4.500				3.000			
57	Đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả (quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của tỉnh Quảng Ninh) đoạn từ hầm chui đến giáp phường Cẩm Thạch cũ	đầu đường	cuối đường	16.000				9.600				6.400			
58	Khu phố Trần Hưng Đạo: Từ hộ sau mặt đường 18A đến đầu lối đường chuyên dùng chờ than ra cảng Km6 và những hộ bám mặt đường chuyên dùng chờ than từ tiếp giáp phường Quang Hanh cũ ra đến cảng Km6 (thửa 60 TBD 38)	đầu đường	cuối đường	5.500				3.300				2.200			
59	Các hộ bám mặt đường bê tông từ sau hộ mặt đường 18A (đường Lê Thanh Nghị) - phía Tây đất Công ty than Dương Huy đến tiếp giáp đường băng tải Nhà máy xi măng Cẩm Phả (thửa 158 TBD 39)	sau hộ mặt đường 18A (đường Lê Thanh Nghị) - phía Tây đất Công ty than Dương Huy	giáp đường băng tải Nhà máy xi măng Cẩm Phả (thửa 158 TBD 39)	4.000				2.400				1.600			
60	Các hộ bám trục đường bê tông phía Đông Công ty than Dương Huy đến hết nhà ông Minh (từ thửa 260 TBD 31 đến hết thửa 119 TBD 39)	đường bê tông phía Đông Công ty than Dương Huy (thửa 260 TBD 31)	hết nhà ông Minh (Minh rấn) (thửa 119 TBD 39)	3.800				2.280				1.520			
61	Các hộ bám đường bê tông từ sau hộ bám mặt đường Lê Thanh Nghị đến hết nhà bà Trần Thị Oanh (thửa 277 TBD 31)	sau hộ bám mặt đường Lê Thanh Nghị	hết nhà bà Trần Thị Oanh (thửa 277 TBD 31)	10.400				6.240				4.160			
62	Từ sau nhà bà Oanh (Thấu) đến hết nhà ông ký tổ 4 khu Trần Hưng Đạo (từ thửa 137 TBD 31 đến thửa 190 TBD 32)	sau nhà bà Oanh (Thấu) thửa 137 TBD 31	hết nhà ông ký tổ 4 khu Trần Hưng Đạo thửa 190 TBD 32	7.100				4.260				2.840			
63	Các hộ bám đường bê tông từ sau hộ mặt đường Trần Phú đến tiếp giáp đường Lê Thanh Nghị (đường vào tổ 2,3 khu Trần Hưng Đạo - ngõ 1333 từ thửa 208 TBD 31 đến thửa 86 TBD 32)	sau hộ mặt đường Trần Phú	tiếp giáp đường Lê Thanh Nghị (đường vào tổ 2,3 khu Trần Hưng Đạo - ngõ 1333)	8.600				5.160				3.440			
64	Các hộ bám đường bê tông liên khu Trần Hưng Đạo, khu Bạch Đằng (ngõ 1299) đường vào tổ 1 khu Trần Hưng Đạo, tổ 7+9 khu Bạch Đằng (từ thửa 260 TBD 224 đến thửa 96 TBD 232)	đầu đường	cuối đường	7.100				4.260				2.840			
65	Đường bê tông xuống tổ 1, 2 khu Bạch Đằng (Đường cây si) (từ thửa 18 TBD 225 đến thửa 57 TBD 234)	đầu đường	cuối đường												

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
65.1	Các hộ bám đường bê tông từ sau hộ mật đường Trần Phú (Phía tây Đoàn địa chất 913, ngõ 1131) đến hết nhà ông Trần Trọng Minh (thửa 360 TBD 225)	sau hộ mật đường Trần Phú (Phía tây Đoàn địa chất 913, ngõ 1131)	hết nhà ông Trần Trọng Minh (thửa 360, TBD 225)	7.100				4.260				2.840			
65.2	Các hộ bám đường bê tông từ giáp nhà ông Trần Trọng Minh (từ thửa 364 TBD 225) đến tiếp giáp suối thoát nước (thửa 57 TBD 234)	từ giáp nhà ông Trần Trọng Minh (từ thửa 364 TBD 225)	tiếp giáp suối thoát nước (thửa 57 TBD 234)	5.500				3.300				2.200			
65.3	Các lộ còn lại (khu đất thanh lý đoàn địa chất 913)	đầu đường	cuối đường	5.500				3.300				2.200			
66	Các hộ bám đường bê tông vào tổ 5,6 khu Nam Thạch A (phía đông Đoàn địa chất 913, ngõ 1063) dọc hai bên đường	đầu đường	cuối đường	8.000				4.800				3.200			
67	Các hộ bám đường bê tông (ngõ cạnh dài tường niệm anh hùng liệt sĩ - ngõ 1039 đến hết nhà ông Nguyễn Quang Nhật (từ thửa 22A TBD 226 đến thửa 73 TBD 226)	hộ bám đường bê tông (ngõ cạnh dài tường niệm anh hùng liệt sĩ - ngõ 1039)	hết nhà ông Nguyễn Quang Nhật (thửa 73, TBD 226)	3.800				2.280				1.520			
68	Từ sau hộ mật đường Trần Phú đến đường Lê Thanh Nghị (Ngõ 1003, khu Nam thạch A) (từ thửa 12 TBD 226 đến thửa 37 TBD 234)	sau hộ mật đường Trần Phú	đường Lê Thanh Nghị (Ngõ 1003, khu Nam thạch A)	8.600				5.160				3.440			
69	Các hộ bám đường bê tông (đường 5/8 - ngõ 895 từ sau hộ mật đường 18A đến tiếp giáp các hộ sau bám đường Lê Thanh Nghị (từ thửa 236 TBD 227 đến hết thửa 214 TBD 227)	sau hộ mật đường 18A	tiếp giáp các hộ sau bám đường Lê Thanh Nghị	9.800				5.880				3.920			
70	Các hộ bám đường bê tông từ sau hộ bám mật đường Lê Thanh Nghị (đường tránh) đến cổng phụ Nhà máy xi măng (từ thửa 24 TBD 235 đến hết thửa 164 TBD 241)	từ sau hộ bám mật đường Lê Thanh Nghị	cổng phụ Nhà máy xi măng	9.800				5.880				3.920			
71	Các hộ bám trục ngang đường bê tông (từ sau các hộ bám mật đường Lê Thanh Nghị, đường xuống cổng phụ Nhà máy xi măng đến tiếp giáp cây xăng Công ty Tâm Thành (từ thửa 198 TBD 235 đến tiếp giáp công ty Tâm Thành)	hộ bám trục ngang đường bê tông (từ sau các hộ bám mật đường Lê Thanh Nghị, đường xuống cổng phụ Nhà máy xi măng)	tiếp giáp cây xăng Công ty Tâm Thành	7.100				4.260				2.840			
72	Các hộ nằm trong các ngõ ngang của Dự án Khu dân cư tự xây phường Cẩm Thạch	đầu đường	cuối đường	9.000				5.400				3.600			
73	Đoạn đường dốc Việt Kiều từ sau hộ mật Đường Trần Phú đến qua XN dịch vụ nước khoáng nóng (giáp Cẩm Thủy cũ)	sau hộ mật Đường Trần Phú	qua XN dịch vụ nước khoáng nóng (giáp Cẩm Thủy cũ)												
73.1	Các hộ bám đường bê tông liên khu Long Thạch A + Long Thạch B (đường dốc Việt Kiều) từ sau hộ mật đường 18A đến cổng qua đường trường Thống Nhất (thửa 48 TBD 214)	sau hộ mật đường 18A	cổng qua đường trường Thống Nhất (thửa 48 TBD 214)	9.800				5.880				3.920			
73.2	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp cổng qua đường trường thống nhất đến ngã ba hết nhà bà Hoàng Thị Bình (từ thửa 33 TBD 214 đến thửa 186 TBD 210)	hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp cổng qua đường trường thống nhất	ngã ba hết nhà bà Hoàng Thị Bình (thửa 186, TBD 210)	7.100				4.260				2.840			
73.3	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Bình đến hết nhà ông Nguyễn Như Ngọc (thửa 1) giáp phường Cẩm Thủy (từ thửa 105 TBD 210 đến hết thửa 1 TBD 210)	hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Bình (thửa 86)	hết nhà ông Nguyễn Như Ngọc (thửa 1, TBD 210)	4.500				2.700				1.800			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
73.4	Các hộ bám trục ngang đường bê tông (đường dọc Việt Kiều) ngõ đối diện đường vào nhà Văn hóa khu Long Thạch A đến hết nhà ông Phạm Xuân Phồng (từ thửa 78 TBD 214 đến thửa 106 TBD 213)	hộ bám trục ngang đường bê tông (đường dọc Việt Kiều) ngõ đối diện đường vào nhà Văn hóa khu Long Thạch A	hết nhà ông Phạm Xuân Phồng (thửa 106, TBD 213)	6.200				3.720				2.480			
73.5	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp nhà ông Phạm Xuân Phồng đến hết nhà ông Mai Văn Biền (từ thửa 247 TBD 213 đến thửa 81)	hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp nhà ông Phạm Xuân Phồng	hết nhà ông Mai Văn Biền (thửa 81)	3.800				2.280				1.520			
73.6	Các hộ bám đường bê tông vào nhà Văn hóa khu Long Thạch A từ sau hộ bám trục đường chính đến hết nhà Văn hóa (từ thửa 82 TBD 214 đến hết nhà văn hóa)	hộ bám trục đường chính	hết nhà Văn hóa	6.600				3.960				2.640			
73.7	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp nhà Văn hóa khu Long Thạch A đến hết Công ty địa chất mỏ TKV (từ thửa 45 TBD 214 đến tiếp giáp công Công ty địa chất mỏ)	tiếp giáp nhà Văn hóa khu Long Thạch A	hết Công ty địa chất mỏ TKV	6.200				3.720				2.480			
74	Trục đường bê tông phía đông chợ Cẩm Thạch từ sau hộ mặt đường Trần Phú đến hết nhà ông Nhân, ông Động (từ thửa 145 TBD 220)	sau hộ mặt đường Trần Phú	hết nhà ông Nhân, ông Động												
74.1	Các hộ bám đường bê tông (phía Đông chợ Cẩm Thạch - ngõ 660) từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Cao Văn Ngang (từ thửa 145 TBD 220 đến thửa 158 TBD 213)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Cao Văn Ngang (thửa 11)	8.000				4.800				3.200			
74.2	Các hộ nằm trong ngõ ngang bám đường bê tông rộng trên 4m (phía sau chợ Cẩm Thạch) (từ thửa 123 TBD 220 đến thửa 233 TBD 220)	đầu đường	cuối đường	5.500				3.300				2.200			
74.3	Từ tiếp giáp nhà ông Phúc, ông Nhân đến hết nhà ông Thor, ông Long (từ thửa số 9 TBD 220 đến hết thửa 34a và 32-1 TBD 220)	tiếp giáp nhà ông Phúc, ông Nhân (thửa số 9 TBD 220)	nhà ông Thor, ông Long (thửa 34a và 32-1 TBD 220)	4.000				2.400				1.600			
75	Các hộ bám đường bê tông áp phan ngõ 720 liên khu Hồng Thạch A + Hồng Thạch B từ sau hộ mặt đường 18A đến hết nhà ông Đoàn Quốc Sỹ (từ thửa 240 TBD 220 đến thửa 209 TBD 220)	sau hộ mặt đường 18A	hết nhà ông Đoàn Quốc Sỹ	6.600				3.960				2.640			
76	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp nhà ông Đoàn Quốc Sỹ đến tiếp giáp suối thoát nước (tổ 1 - khu Hồng Thạch B, từ thửa 84a TBD 219 đến thửa 21 TBD 212)	tiếp giáp nhà ông Đoàn Quốc Sỹ	tiếp giáp suối thoát nước (tổ 1 - khu Hồng Thạch B)	4.000				2.400				1.600			
77	Các hộ bám đường bê tông (phía Đông trụ sở UBND phường - ngõ 784) từ sau hộ mặt đường 18A (thửa 152 TBD 219) đến hết thửa 239 TBD 219	sau hộ mặt đường 18A	đến hết thửa 239, TBD 219	8.000				4.800				3.200			
78	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp thửa 239 TBD 219 đến hết nhà bà Ma Thị Sâm (thửa 42 TBD 219)	tiếp giáp thửa 239	hết nhà bà Ma Thị Sâm (thửa 42, TBD 219)	3.800				2.280				1.520			
79	Đường Tây khe Sim từ sau hộ mặt đường Trần Phú đến chân đồi	sau hộ mặt đường Trần Phú	chân đồi												
79.1	Các hộ bám đường bê tông (phía Tây trụ sở UBND phường - ngõ 800) đến tiếp giáp nhà văn hóa khu Hồng Thạch A (từ thửa 115 TBD 219 đến thửa 256 TBD 219)	đường bê tông (phía Tây trụ sở UBND phường - ngõ 800)	tiếp giáp nhà văn hóa khu Hồng Thạch A	9.000				5.400				3.600			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
79.2	Các hộ bám đường bê tông từ nhà văn hóa khu Hồng Thạch A dọc theo đường bê tông to lên đồi đến khúc cong nhà bà Phạm Thị Lan (từ thửa 47 TBD 212 đến thửa 39 TBD 211)	nhà văn hóa khu Hồng Thạch A dọc theo đường bê tông to lên đồi (thửa 47 TBD 212)	khúc cong nhà bà Phạm Thị Lan (thửa 39 TBD 211)	3.800				2.280				1.520			
79.3	Các hộ bám đường bê tông vào khu đất UBND phường lập quy hoạch đầu giá hộ từ sau trục đường chính đến hết nhà ông Nguyễn Khắc Thiêm (thửa 79a)	hộ bám đường bê tông vào khu đất UBND phường lập quy hoạch đầu giá hộ từ sau trục đường chính	hết nhà ông Nguyễn Khắc Thiêm (thửa 79a)	4.000				2.400				1.600			
79.4	Các hộ nằm trong các ngõ ngang khu đất UBND phường lập quy hoạch đầu giá	đầu đường	cuối đường	3.800				2.280				1.520			
80	Đường vào Công ty thiết bị điện	đầu đường	cuối đường	13.900				8.340				5.560			
81	Đường vào XN Khảo sát cũ (ngõ 852) từ sau hộ mật đường Trần Phú đến tiếp giáp công Xi nghiệp (từ thửa số 5 TBD 225 đến hết thửa số 42 TBD 218)	sau hộ mật đường Trần Phú (thửa số 5 TBD 225)	tiếp giáp công Xi nghiệp (thửa số 42 TBD 218)	8.000				4.800				3.200			
82	Các hộ bám đường bê tông vào tổ 2 khu Sơn Thạch (hộ từ sau đường Trần Phú thửa 322 TBD 225 đến hết thửa 124 phía Đông, thửa 309 phía Tây TBD 218 (ngõ 860)	sau hộ mật đường Trần Phú	hết thửa 124 phía Đông, thửa 309 phía Tây (ngõ 860)	5.900				3.540				2.360			
83	Các hộ bám đường bê tông vào tổ 9 khu Sơn thạch đến hết thửa đất số 114 (các hộ sau Công ty cổ phần khai thác đá và VLXD từ thửa 150 TBD 223 đến hết thửa 114 TBD 224)	hộ bám đường bê tông vào tổ 9 khu Sơn thạch	hết thửa đất số 114 (các hộ sau Công ty cổ phần khai thác đá và VLXD)	5.000				3.000				2.000			
84	Các hộ nằm trong các ngõ ngang vào các tổ 7, 8, 9 (phía sau Văn phòng Công ty cổ phần khai thác đá SX VLXD và Công ty TNHH MTV 35 - 04 dãy ngang đầu từ đường 18A vào	đầu đường	cuối đường	3.800				2.280				1.520			
85	Đường nhựa phía đông Công ty TNHH MTV 35														
85.1	Từ sau hộ mật đường 18A đến ngã 3 (đến đường sau trường tiểu học) từ thửa số 269 TBD 224 đến hết thửa 225 TBD 224	sau hộ mật đường 18A	ngã 3 (đến đường sau trường tiểu học)	8.000				4.800				3.200			
85.2	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp ngã 3 đến tiếp giáp thửa đất số 75 (phía Đông) và thửa 142 phía Tây	tiếp giáp ngã 3	tiếp giáp thửa đất số 75 (phía Đông) và thửa 142 phía Tây	5.900				3.540				2.360			
85.3	Các hộ bám đường bê tông vào tổ 5 khu Sơn thạch (hộ sau trường tiểu học Cẩm Thạch) từ thửa 13B TBD 224 đến thửa 28 TBD 217	thửa 13B TBD 224	thửa 28 TBD 217	6.600				3.960				2.640			
85.4	Các hộ bám đường bê tông (sau trường tiểu học Cẩm Thạch - rẽ trái) từ sau nhà ông Biên vòng đường bê tông đến hết nhà ông Nguyễn Văn Tuấn (thửa 28A)	sau nhà ông Biên vòng đường bê tông	hết nhà ông Nguyễn Văn Tuấn (thửa 28A)	4.000				2.400				1.600			
86	Đường vào Xi nghiệp Phú Cường														
86.1	Các hộ bám đường bê tông liên khu Sơn Thạch, Hoàng Thạch (đường vào xí nghiệp đá Phú Cường) đến tiếp giáp cầu qua suối	hộ bám đường bê tông liên khu Sơn Thạch, Hoàng Thạch (đường vào xí nghiệp đá Phú Cường)	tiếp giáp cầu qua suối	8.000				4.800				3.200			
86.2	Các hộ bám đường bê tông từ tiếp giáp cầu qua suối đến hết nhà bà Lý Thị Hải	tiếp giáp cầu qua suối	hết nhà bà Lý Thị Hải	3.800				2.280				1.520			
87	Các hộ bám mật đường bê tông từ cổng chào nhà văn hóa khu phố Hoàng Thạch đến tiếp giáp phường Quang Hanh cũ	cổng chào nhà văn hóa khu phố Hoàng Thạch	tiếp giáp phường Quang Hanh cũ	6.600				3.960				2.640			
88	Các hộ bám đường thuộc dự án khu dân cư khu Nam Thạch (Công ty 351)	đầu đường	cuối đường	6.600				3.960				2.640			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
89	Đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả từ tiếp giáp phường Quang Hanh cũ đến phường Cẩm Thủy cũ	tiếp giáp phường Quang Hanh cũ	phường Cẩm Thủy cũ	17.000				10.200				6.800			
90	Đoạn đường vào Khách sạn Vân Long: Thửa 9, 10 tờ 267	đầu đường	cuối đường	15.000				9.000				6.000			
91	Khu vực Văn phòng Mỏ Khê Tam và Văn phòng Công ty XD và MT mỏ	đầu đường	cuối đường	15.000				9.000				6.000			
92	Đoạn đường Nguyễn Văn Trỗi: Từ sau hộ mật đường Trần Phú đến tiếp giáp dự án Xi măng (hết thửa số 151, TBD 276)	sau hộ mật đường Trần Phú	giáp dự án Xi măng (hết thửa số 151, TBD 276)	16.000				9.600				6.400			
93	Đoạn đường từ tiếp giáp trạm điện Cẩm Thủy 1 đến tiếp giáp công chợ phía Nam (Từ thửa số 141, TBD 268 đến hết thửa số 84, TBD 268)	tiếp giáp trạm điện Cẩm Thủy 1	tiếp giáp công chợ phía Nam	9.000				5.400				3.600			
94	Đoạn đường phía tây chợ Cẩm Thủy: Từ sau hộ mật đường 18A đến tiếp giáp công trường cấp I Cẩm Thủy (đến hết thửa số 85, TBD 268)	sau hộ mật đường 18A	tiếp giáp công trường cấp I Cẩm Thủy (đến hết thửa số 85, TBD 268)	12.000				7.200				4.800			
95	Đoạn đường phía bắc trường cao đẳng công nghiệp (trường đào tạo cũ)	đầu đường	cuối đường												
95.1	Ngõ 74 từ sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi đến hết nhà văn hóa khu Tân Lập 1 và thửa 34b tờ bản đồ số 267	sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi	hết nhà văn hóa khu Tân Lập 1 và thửa 34b tờ bản đồ số 267	6.600				3.960				2.640			
95.2	Từ tiếp giáp Nhà văn hóa khu Tân Lập 1 đến sau hộ mật đường Lê Thanh Nghị	tiếp giáp Nhà văn hóa khu Tân Lập 1	sau hộ mật đường Lê Thanh Nghị	5.000				3.000				2.000			
96	Đoạn phía Tây trường cao đẳng công nghiệp từ thửa 64 tờ 267 đến hết thửa 12 tờ 272	thửa 64 tờ 267	hết thửa 12 tờ 272	4.000				2.400				1.600			
97	Đoạn đường phía đông Khu nhà tập thể Công ty hầm lò 1 từ thửa 67 tờ 267 đến thửa hết thửa 180 tờ số 272	thửa 67 tờ 267	hết thửa 180 tờ số 272	4.000				2.400				1.600			
98	Đoạn phía đông Công ty CP Đức Trung từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 25b, 38 tờ 266 + thửa 39, 40 tờ 266	sau hộ mật đường 18A	hết thửa 25b, 38 tờ 266 + thửa 39, 40 tờ 266	9.800				5.880				3.920			
99	Khu dân cư sân nghĩa trang liệt sĩ cũ: Từ sau hộ mật đường khách sạn Vân Long đến sau hộ mật đường phía đông Công ty cổ phần Đức Trung	sau hộ mật đường khách sạn Vân Long	sau hộ mật đường phía đông Công ty cổ phần Đức Trung	6.600				3.960				2.640			
100	Đoạn đường Ngõ 584 đường Trần Phú: Từ sau hộ mật đường Trần Phú đến hết thửa 73, 239 tờ số 262.	sau hộ mật đường Trần Phú	hết thửa 73, 239 tờ số 262	4.000				2.400				1.600			
101	Các hộ thuộc dự án Nhóm nhà ở tại phường Cẩm Thủy tổ 5 khu Đập Nước 1 trừ các hộ bám đường Trần Phú	đầu đường	cuối đường	12.000				7.200				4.800			
102	Đoạn đường vào khu đập nước														
102.1	Ngõ 552 đường Trần Phú từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 68 và 88 tờ số 267	sau hộ mật đường 18A	hết thửa 68 và 88 tờ số 267	9.800				5.880				3.920			
102.2	Từ thửa 48 tờ 262 đến hết thửa số 140, 144 tờ số 256	thửa 48 tờ 262	hết thửa số 140, 144 tờ số 256	8.000				4.800				3.200			
102.3	Từ thửa 112, 139a tờ số 256 đến hết thửa 37, 38-1 tờ số 256	thửa 112, 139a tờ số 256	hết thửa 37, 38-1 tờ số 256	5.900				3.540				2.360			
102.4	Ngõ 550 đường Trần Phú từ sau hộ mật đường Trần Phú đến hết thửa 91 tờ 262	sau hộ mật đường Trần Phú	hết thửa 91 tờ 262	12.000				7.200				4.800			
103	Khu đập nước: Đoạn đường từ thửa số 193, 110 tờ số 256 đến hết thửa 31 tờ số 256 và thửa 30 tờ số 257	thửa số 193, 110 tờ số 256	hết thửa 31 tờ số 256 và thửa 30 tờ số 257	5.900				3.540				2.360			
104	Khu đập nước: Đoạn đường từ thửa 82 và 33 tờ số 257 đến hết thửa 51 và 52 tờ số 251	thửa 82 và 33 tờ số 257	hết thửa 51 và 52 tờ số 251	4.500				2.700				1.800			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
105	Đoạn đường cạnh Xi nghiệp nước Cẩm Phả từ sau hộ mật đường Trần Phú đến hết thửa 87 và thửa (82+83) a tờ 259	sau hộ mật đường Trần Phú	hết thửa 87 và thửa (82+83) a tờ 259	12.000				7.200				4.800			
106	Đoạn đường sau CTy cổ phần chế tạo máy vinacomin (song song với đường 18A) (từ thửa 80 tờ 259 đến hết thửa 29 tờ 257)	thửa 80 tờ 259	hết thửa 29 tờ 257	5.900				3.540				2.360			
107	Đoạn đường Ngõ 611 đường Trần Phú thuộc tổ 2, khu Tân lập 5 từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 77-1 và 80a cộng thửa 89 tờ 270)	sau hộ mật đường 18A	hết thửa 77-1 và 80a cộng thửa 89 tờ 270	6.600				3.960				2.640			
108	Đoạn đường Ngõ 647 đường Trần Phú từ sau hộ mật đường 18A đến hết số nhà 18 (hết thửa 108, 109 TBD 269)	sau hộ mật đường 18A	số nhà 18 (hết thửa 108, 109 TBD 269)	6.600				3.960				2.640			
109	Khu ban 5 cũ														
109.1	Ngách 02 Ngõ 611 đường Trần Phú từ sau thửa 32 tờ số 270 đến tiếp giáp thửa 60 tờ số 269 (trừ các hộ băm đường bề tổng mục 107)	sau thửa 32 tờ số 270	tiếp giáp thửa 60 tờ số 269	5.900				3.540				2.360			
109.2	Ngách 12 Ngõ 611 đường Trần Phú từ sau thửa 45 tờ 270 đến tiếp giáp thửa 91 tờ số 269 (trừ các hộ băm đường bề tổng mục 108)	sau thửa 45 tờ 270	tiếp giáp thửa 91 tờ số 269	5.900				3.540				2.360			
109.3	Ngách 28 Ngõ 611 đường Trần Phú từ thửa 90, 77 tờ số 270 đến hết thửa 198, 99 tờ 269 (trừ các hộ băm đường bề tổng mục 108)	thửa 90, 77 tờ số 270	hết thửa 198, 99 tờ 269	3.200				1.920				1.280			
110	Đoạn đường Ngõ 675 đường Trần Phú từ sau hộ mật đường 18A đến hết thửa 90 cộng thửa 97 tờ số 269	sau hộ mật đường 18A	thửa 90 cộng thửa 97 tờ số 269	7.100				4.260				2.840			
111	Ngõ 703 Trần Phú: Đoạn đường xuống nhà trẻ Hoa Hồng: Từ sau hộ mật đường 18A đến hết trường Mầm non Hoa Hồng	sau hộ mật đường 18A	hết trường Mầm non Hoa Hồng	7.500				4.500				3.000			
112	Đoạn đường phía Tây nhà ăn Công ty cổ phần chế tạo máy từ nhà ăn Công ty (từ thửa số 92, TBD 269) đến sau hộ mật đường Lê Thanh Nghị	thửa số 92, TBD 269	sau hộ mật đường Lê Thanh Nghị	6.200				3.720				2.480			
113	Những hộ dân thuộc nhà trẻ hoa Hồng cũ thanh lý														
113.1	Lô thứ 2 + 3 sau hộ mật đường xuống nhà trẻ (hẻm 1, ngách 1 khu Tân lập 6 từ thửa 128 và 126 tờ số 269 đến hết thửa 200, 186 tờ số 692 cộng thửa 189 và 199 tờ số 269.	thửa 128 và 126 tờ số 269	thửa 200, 186 tờ số 692 cộng thửa 189 và 199 tờ số 269	5.500				3.300				2.200			
113.2	Lô 4 sau hộ mật đường xuống nhà trẻ Hoa Hồng từ thửa 124 đến hết thửa 252 tờ số 22 + lô đất số nhà 37 (thửa 161 tờ số 269) tổ 3, khu Tân Lập 6	thửa 124, tờ số 22	hết thửa 252, tờ số 22	3.800				2.280				1.520			
114	Đoạn đường liên khu Tân Lập 6, 7, 8 từ sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi đến hết thửa 200 + thửa 98 tờ 269	hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi	hết thửa 200 + thửa 98 tờ 269	6.600				3.960				2.640			
115	Các hộ băm đường Dự án Đầu tư xây dựng lại chung cư cũ đã bị hư hỏng xuống cấp trừ các hộ băm đường Nguyễn Văn Trỗi.	đầu đường	cuối đường	7.100				4.260				2.840			
116	Đoạn đường sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi														
116.1	Đoạn đường từ sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi đến nhà văn hóa khu Tân Lập 3 (thửa số 75, TBD 276)	sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi	nhà văn hóa khu Tân Lập 3 (thửa số 75, TBD 276)	3.800				2.280				1.520			

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất ở tại đô thị				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
116.2	Ngõ 178 từ sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi đến hết thửa 137 và 175 từ số 276	sau hộ mật đường Nguyễn Văn Trỗi	hết thửa 137 và 175 từ số 276	5.000				3.000				2.000			
117	Đoạn đường thuộc tổ 3 khu Tân Lập 4 (tổ 30a cũ) từ sau hộ mật đường Lê Thanh Nghị đến chợ cá (cạnh suối giáp phường Cẩm Phá)	sau hộ mật đường Lê Thanh Nghị	chợ cá (cạnh suối giáp phường Cẩm Phá)	6.600				3.960				2.640			
118	Đoạn đường cộng chấu 8888 từ sau hộ mật đường 18A đến tiếp giáp nhà ông Hoa gồm các thửa 9, 10, 14, 15, 19 và thửa 18 từ 277	sau hộ mật đường 18A	tiếp giáp nhà ông Hoa gồm các thửa 9, 10, 14, 15, 19 và thửa 18 từ 277	3.800				2.280				1.520			
119	Khu thanh lý sau Xí nghiệp nước: Từ thửa 40 đến thửa 59 từ 265	thửa 40 từ 265	thửa 59 từ 265	5.500				3.300				2.200			
120	Dự án khu dân cư tự xây phía tây bãi tắm Bến Do; khu dân cư đô thị mới thuộc khu Tân Lập 3, Tân Lập 4; Dự án khu xen cư Tân Lập 4 (trừ các hộ bám đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Lê Thanh Nghị)														
120.1	Những hộ bám đường bê tông có chiều rộng lớn hơn hoặc bằng 10m	đầu đường	cuối đường	13.900				8.340				5.560			
120.2	Những hộ bám mật đường bê tông có chiều rộng lớn hơn hoặc bằng 7m và nhỏ hơn 10 m	đầu đường	cuối đường	10.600				6.360				4.240			
120.3	Những hộ bám đường bê tông có chiều rộng nhỏ hơn 7m	đầu đường	cuối đường	7.100				4.260				2.840			
121	Phần đất tiếp giáp đường của Dự án khu dân cư đô thị mới do Công ty CP xi măng và xây dựng Quảng Ninh làm chủ đầu tư (tổ 5, khu Tân Lập 3)	đầu đường	cuối đường	6.600				3.960				2.640			
122	Phần đất tiếp giáp đường của Dự án khu dân cư tự xây phía tây bãi tắm Bến Do do Công ty CP xây dựng và sản xuất bia rượu nước giải khát làm chủ đầu tư (tổ 2, khu Tân Lập 4)	đầu đường	cuối đường	6.600				3.960				2.640			
123	Các hộ bám đường bê tông giáp hồ điều hòa (tổ 7, khu ĐN2)	đầu đường	cuối đường	4.000				2.400				1.600			
124	Đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phá từ tiếp giáp phường Cẩm Thạch cũ đến tiếp giáp phường Cẩm Phá	tiếp giáp phường Cẩm Thạch cũ	tiếp giáp phường Cẩm Phá	21.000				12.600				8.400			
125	Các hộ còn lại bám đường bê tông lớn hơn hoặc bằng 3m (không giáp đồi núi)			3.800				2.280				1.520			
126	Các hộ bám đường bê tông từ 2-3m còn lại trên địa bàn phường; Các hộ bám mật đường bê tông lớn hơn hoặc bằng 3m giáp núi, đồi; Các hộ bám đường đất, đường vôi xi lớn hơn 3m ở các khu trên địa bàn phường			2.800				1.680				1.120			
127	Các hộ còn lại trên địa bàn toàn phường			1.800				1.080				720			
47	PHƯỜNG CẨM PHÁ														
1	Đường Lê Thanh Nghị (đường 18A)														
1.1	Đường Lê Thanh Nghị từ tiếp giáp phường Quang Hanh tiếp giáp đường Tân Bình	tiếp giáp phường Quang Hanh	tiếp giáp đường Tân Bình	24.000				14.400				9.600			
1.2	Từ tiếp giáp đường Tân Bình đến hết thửa ông Đào Tuấn Biên (thửa số 43, TBD 163)	tiếp giáp đường Tân Bình	hết thửa ông Đào Tuấn Biên (thửa số 43, TBD 163)	23.000				13.800				9.200			
2	Đường Võ Nguyên Giáp	đầu đường	cuối đường	23.000				13.800				9.200			
3	Đường 25/4	đầu đường	cuối đường	22.000				13.200				8.800			
4	Đường Hoàng Quốc Việt (đường 18A): Từ cầu I đến cầu II	Cầu I	Cầu II												
4.1	Đường Hoàng Quốc Việt (đường 18A): Dây phía Bắc	đầu đường	cuối đường	19.400				11.640				7.760			